

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-6-2022

V/v: *Ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh V (*chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh V vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2022 và bản tự khai ngày 25/3/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2015 tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, không thể cùng chung sống trong một mái nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/12/2015 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 15/01/2018. Hiện nay 2 con đang ở với anh V. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T còn anh V nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị L, tuy nhiên chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đối với anh Nguyễn Xuân V:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Xuân V. Nhưng trong thời hạn quy định anh V không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tại Biên bản làm việc ngày 20/4/2022, anh Nguyễn Xuân V trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L xin ly hôn đơn phương thì Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/12/2015 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 15/01/2018. Hiện nay 2 con đang ở với anh V. Khi ly hôn anh xin nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N còn chị L nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:
Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Xuân V, tuy nhiên anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh V là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị L nhưng chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị L là đúng với quy định của pháp luật

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị L được ly hôn anh V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thị Kim T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Kim N cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân V có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Xuân V vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V thuộc trường hợp

không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 20/5/2022 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân V, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V đều vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Xuân V vắng mặt không có lý do, nhưng anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị L và anh V là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/12/2015 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 15/01/2018. Hiện nay 2 con đang ở với anh V. Nguyên vọng của chị L khi ly hôn xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T còn anh V nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con của chị L và anh V thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 24/11/2015, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị L và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Thị Kim T. Nguyên vọng của chị Nguyễn Thị L là được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T còn anh V nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh V đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong thời hạn quy định anh V không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc và không có mặt tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của chị L thấy rằng: Khi ly hôn chị L và anh V đều có nguyện vọng: Chị L xin được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim T còn anh V nuôi cháu Nguyễn Thị Kim N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cháu T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 15/01/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 22/12/2015 cho anh Nguyễn Xuân V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006842 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (chị L đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Tế Nông;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh